



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Ngày 31/03/2025	23,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	1.7%	-6.0%

DT thuần Q1/25
1,912
tỷ VNĐ
QoQ: ▼212 -10.0%
YoY: ▲313 19.5%

LN thuần Q1/25
39.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲13.0 48.5%
YoY: ▲19.0 91.4%

LN sau thuế Q1/25
31.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲11.2 55.2%
YoY: ▲16.2 106%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
3.3%
YoY: +/-▲0.9%

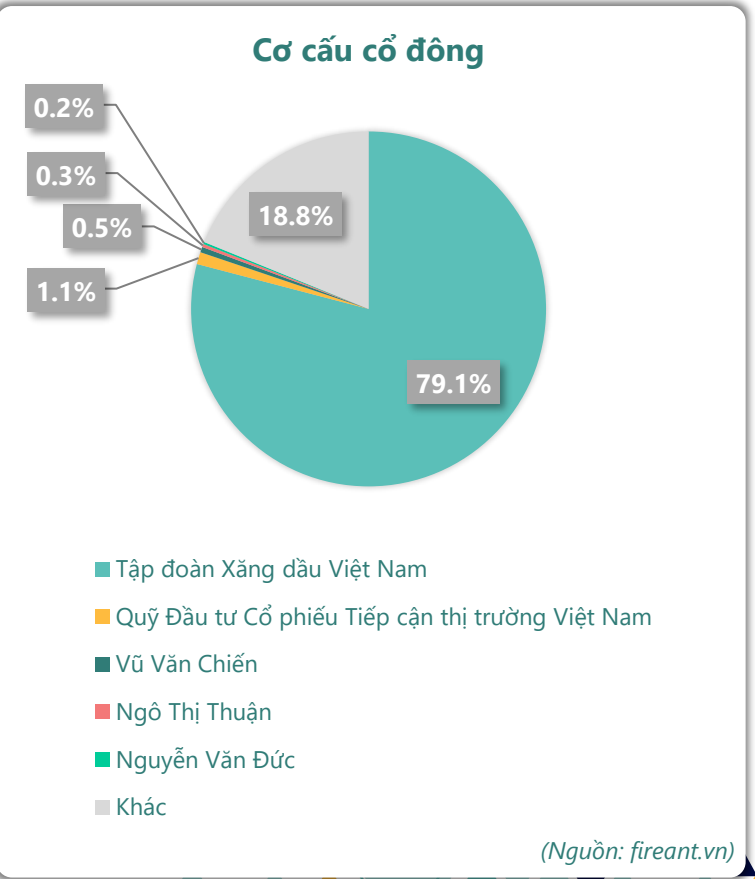
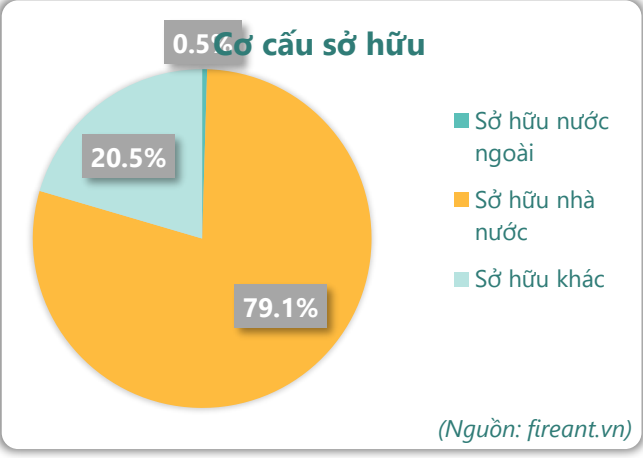
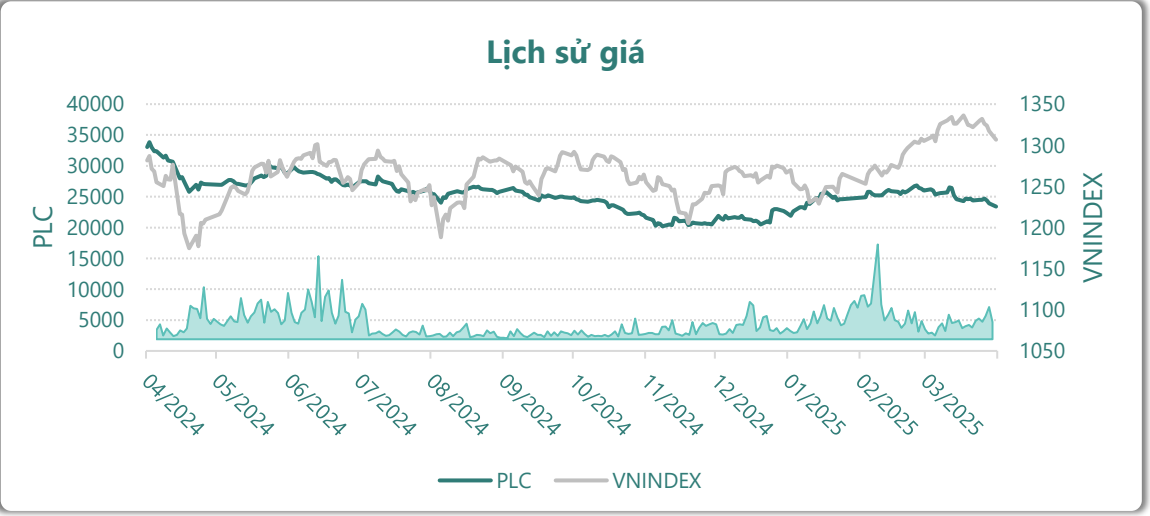
ROE (TTM) Q1/25
4.5%
YoY: +/-▲1.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,200 - 33,837
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,891
Số lượng CPLH (CP)	80,797,566
KLGD BQ 20 phiên (CP)	283,300
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	1.08
EPS	735
P/E	31.8

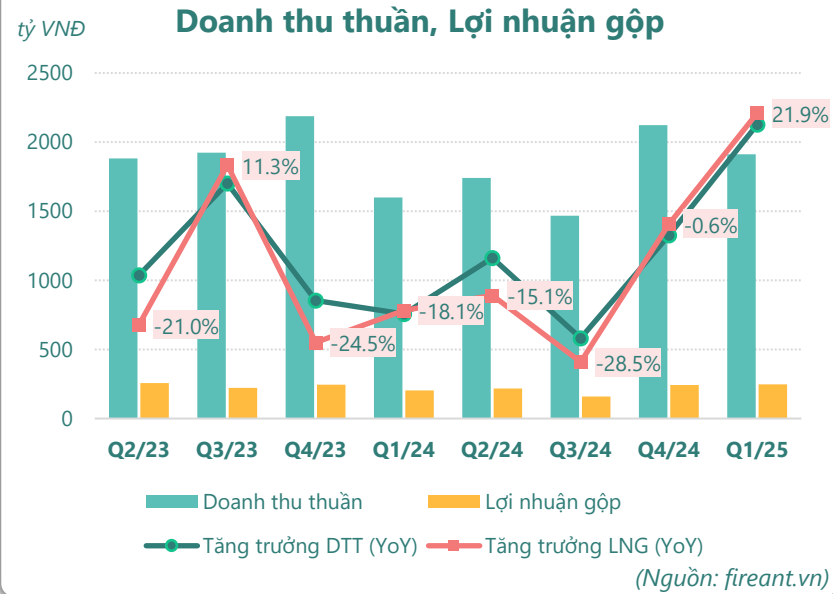
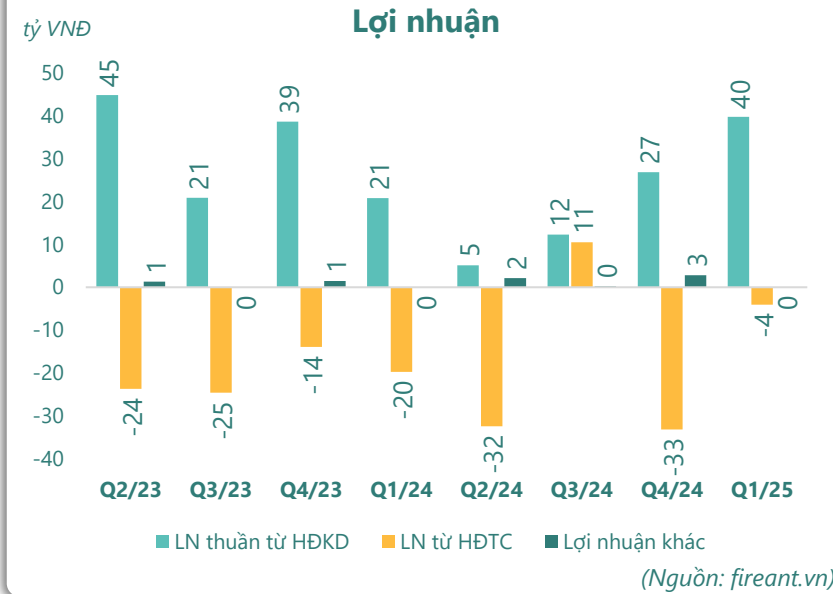
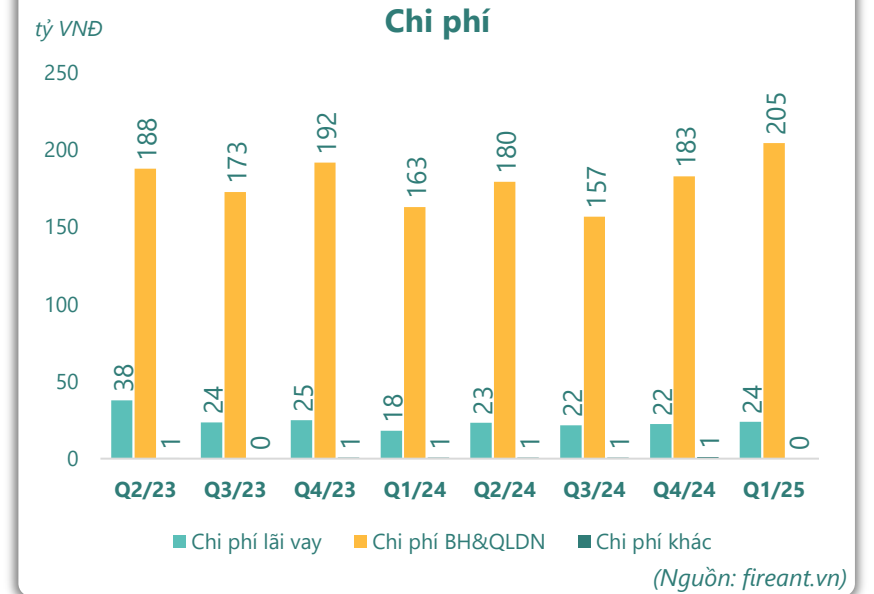
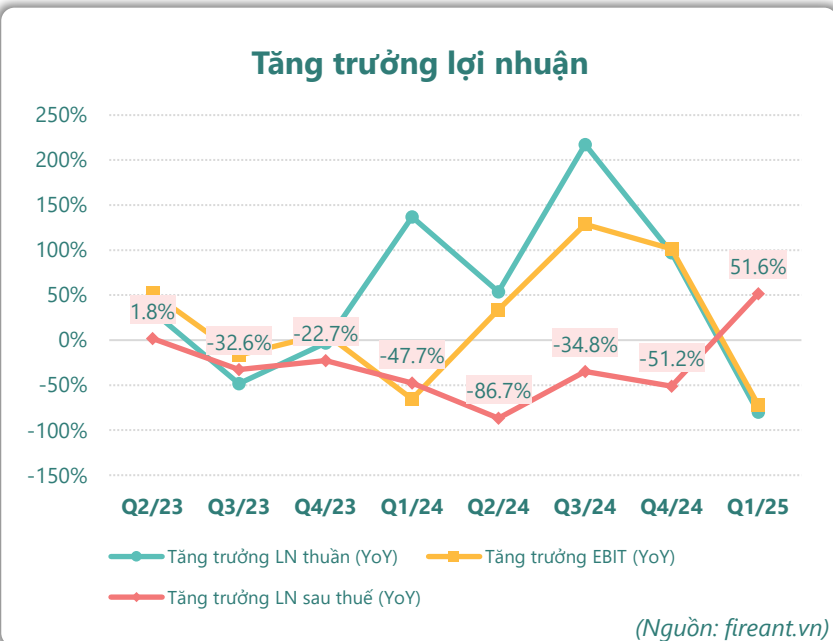
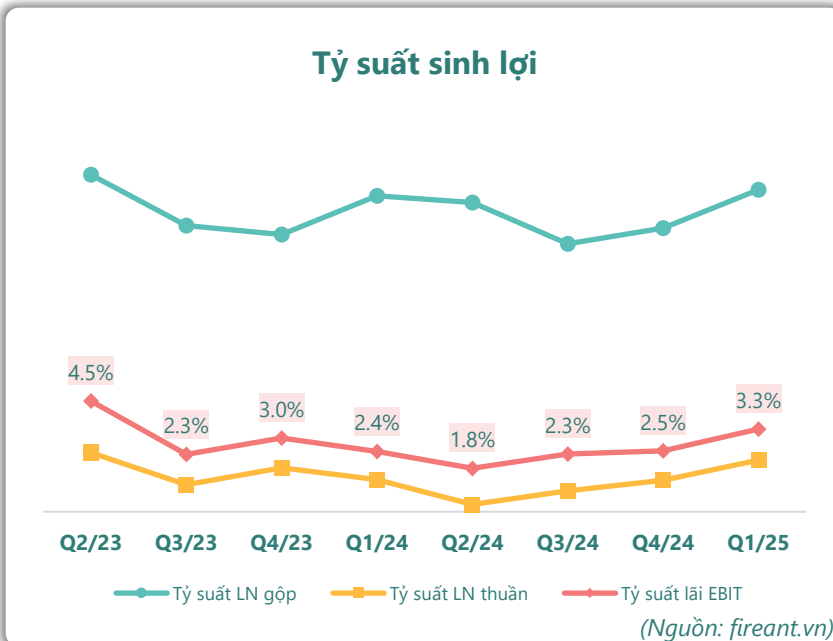
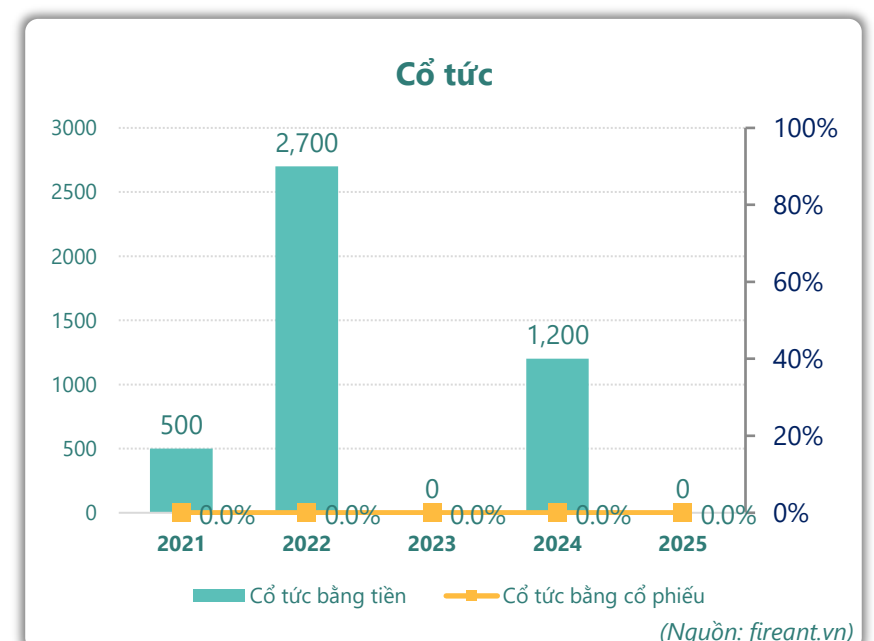
DT thuần 2024
6,932
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,029 -12.9%

LN thuần 2024
65.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼74.7 -53.4%

LN sau thuế 2024
43.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼58.8 -57.6%



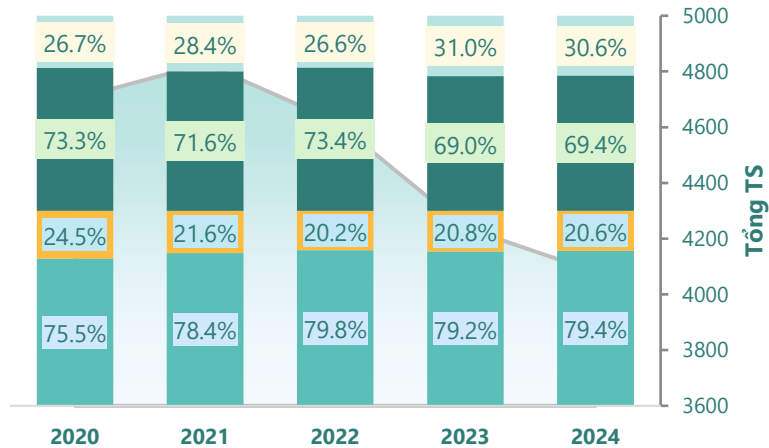
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

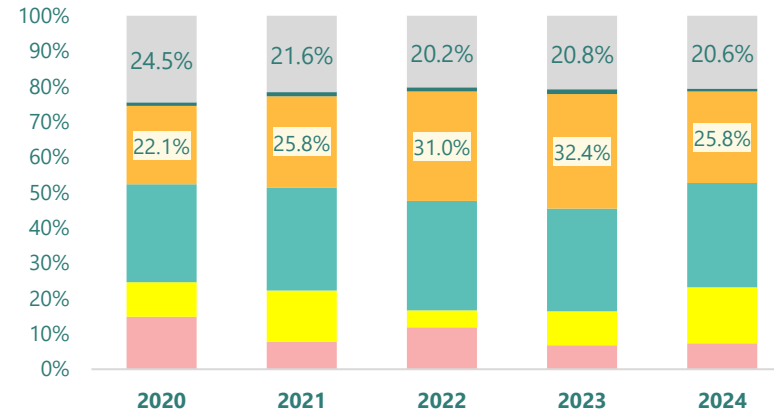
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

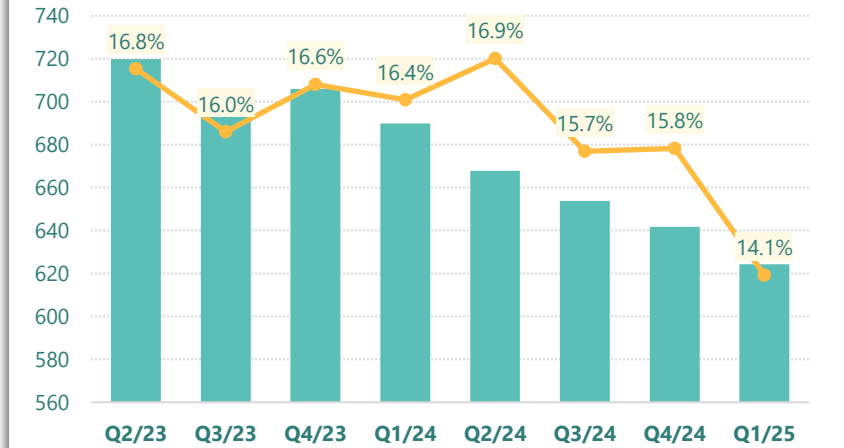


■ Tiền và Đ.Tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

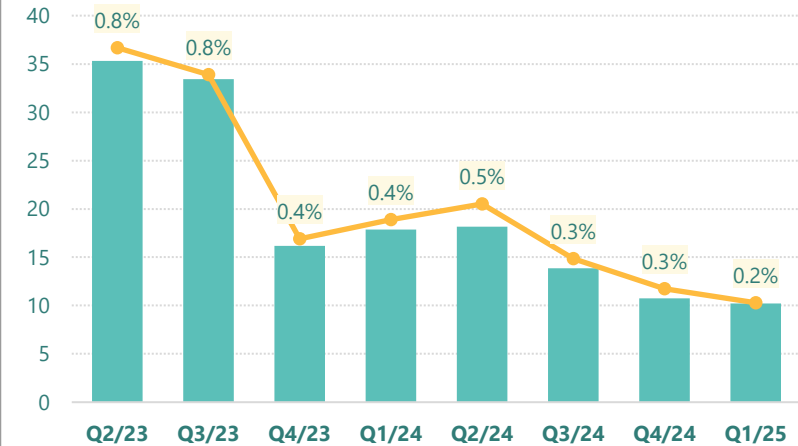


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

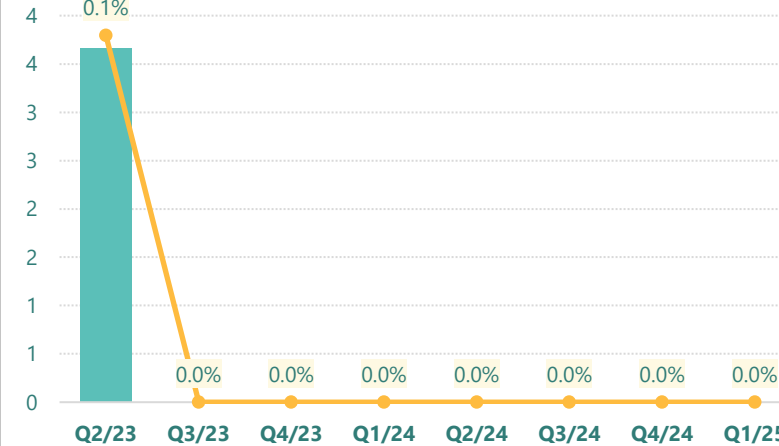


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

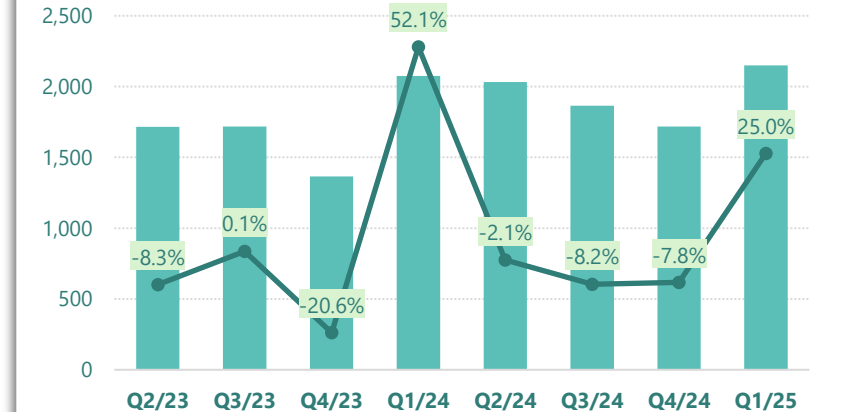


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

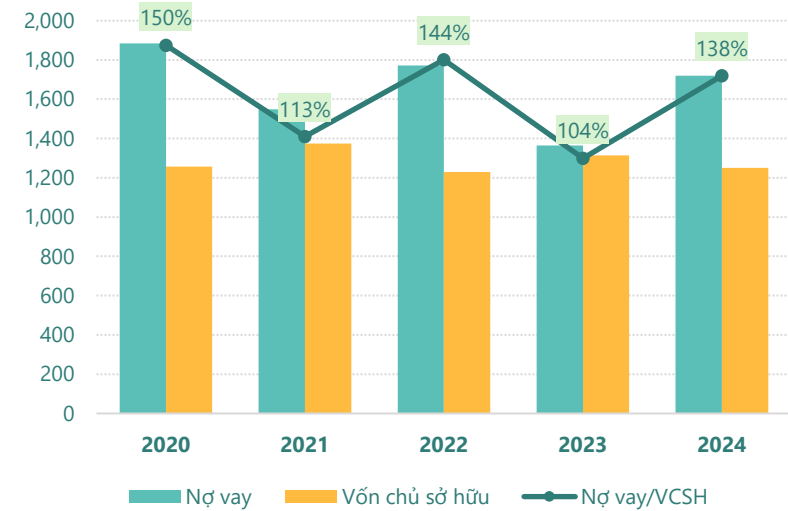
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

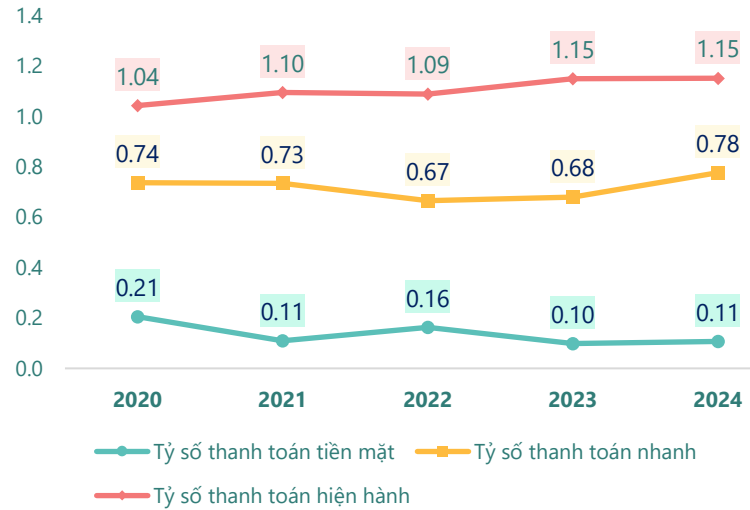
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



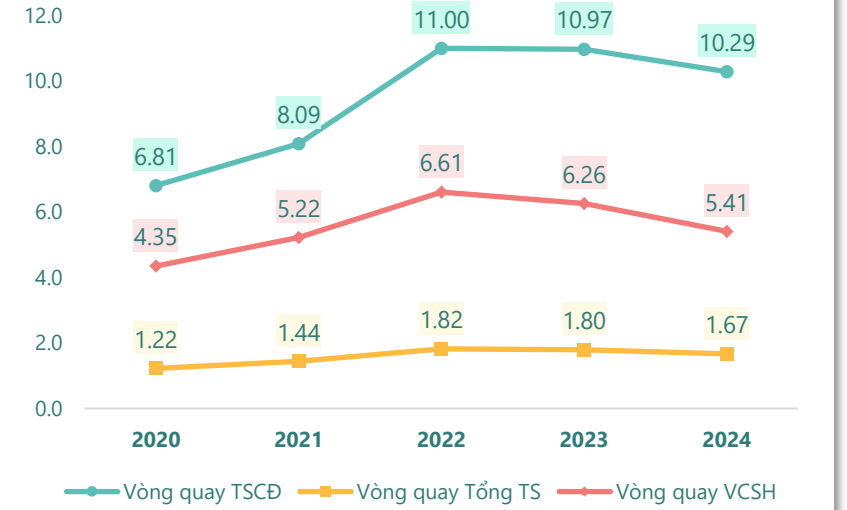
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



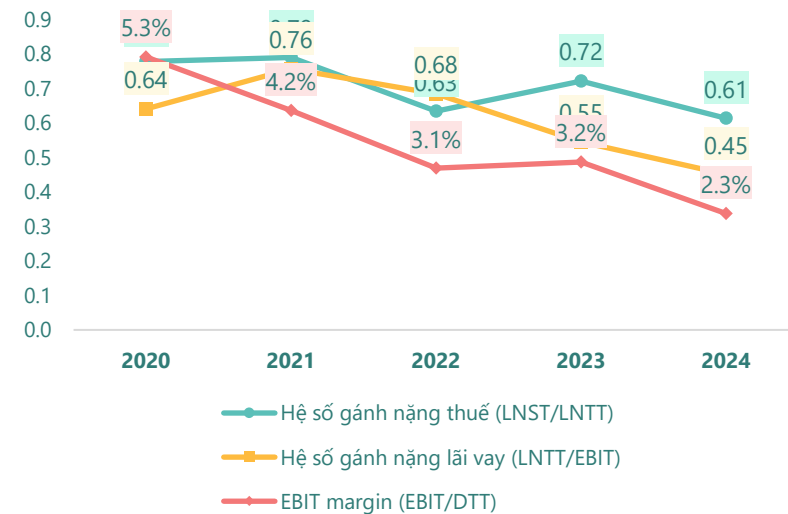
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



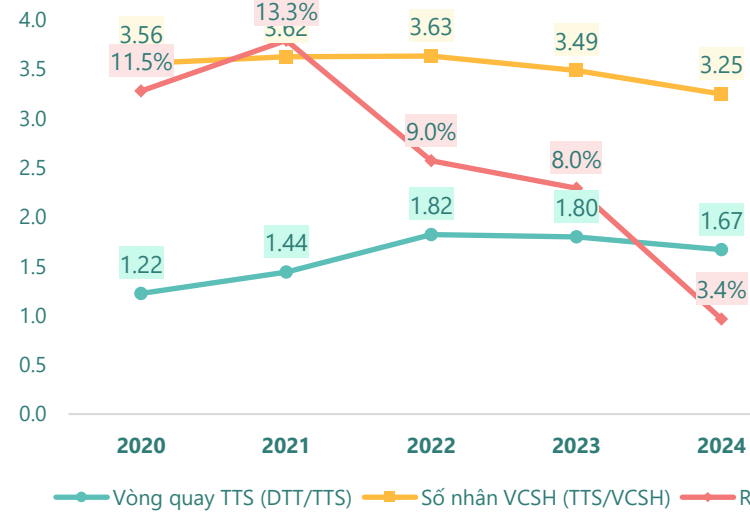
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



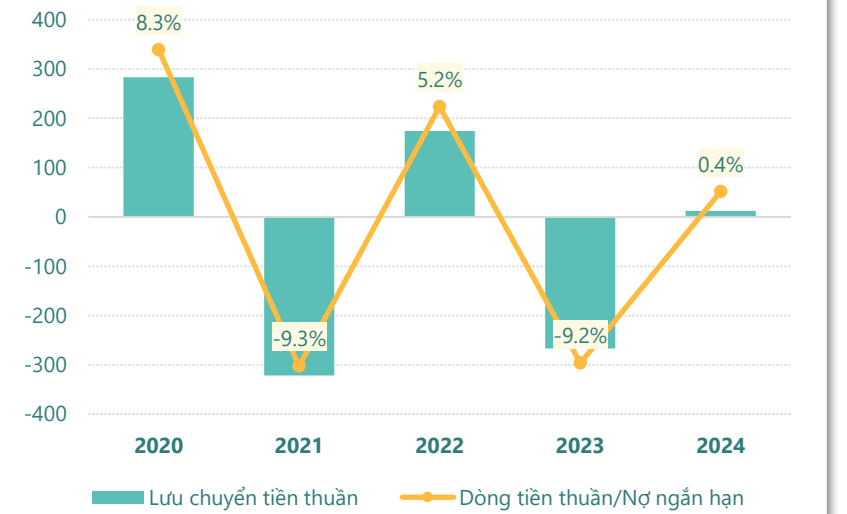
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Đồng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,912	1,599	19.5%	6,932	7,961	-12.9%
Giá vốn hàng bán	1,663	1,395	19.2%	6,109	6,990	-12.6%
Lợi nhuận gộp	248	204	21.7%	823	971	-15.3%
Doanh thu HĐTC	21.8	10.4	110%	55.5	76.2	-27.2%
Chi phí TC	25.8	30.2	-14.5%	130	156	-16.2%
Chi phí lãi vay	23.9	18.1	32.2%	85.6	117	-27.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	-1.70	100%
Chi phí bán hàng	164	133	23.5%	572	590	-3.0%
Chi phí QLDN	40.3	30.4	32.5%	111	160	-30.7%
LN thuần từ HĐKD	39.8	20.8	91.4%	65.3	140	-53.4%
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.04	-70.4%	5.12	0.91	464%
LN trước thuế	39.7	20.8	91.0%	70.4	141	-50.1%
Lợi nhuận sau thuế	31.5	15.3	106%	43.2	102	-57.6%
LNST của CĐ cty mẹ	31.5	15.3	106%	43.2	102	-57.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	314	-666	193	53.4	419	-455
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-59.0	-18.2	-8.67	43.1	-259	58.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-351	711	-144	-167	-143	430
Tiền đầu kỳ	383	288	314	353	284	299
Lưu chuyển tiền thuần	-95.6	26.6	40.3	-70.3	16.8	33.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-1.59	1.59	0	0
Tiền cuối kỳ	288	314	353	284	301	333

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,413	4,080	8.2%
Tài sản ngắn hạn	3,594	3,239	11.0%
Tiền và tương đương tiền	333	299	11.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	590	646	-8.6%
Phải thu ngắn hạn	1,319	1,206	9.4%
Hàng tồn kho	1,302	1,054	23.5%
Tài sản ngắn hạn khác	50.2	33.7	49.1%
Tài sản dài hạn	819	841	-2.6%
Phải thu dài hạn	6.25	6.27	-0.4%
Tài sản cố định	624	642	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.2	10.7	-4.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	179	183	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,132	2,830	10.6%
Nợ ngắn hạn	3,114	2,812	10.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,149	1,719	25.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	810	948	-14.5%
Nợ dài hạn	17.8	17.8	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,281	1,250	2.5%
Vốn chủ sở hữu	1,281	1,250	2.5%
Vốn điều lệ	808	808	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

